

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 12 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Ước

Ông Hoàng Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nhất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

ĐẶNG VĂN NG, sinh năm 1991 tại xã YH, huyện QB, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn CM, xã YH, huyện QB, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đức Th và bà Đặng Thị Ng; có vợ là Đặng Thị N và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/10/2016 bị Công an thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản, đã được xóa tiền sự; bị bắt, tạm giam ngày 04/4/2018; có mặt.

- Bị hại: Anh Đào Duy H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn XP, xã YH, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn CM, xã YH, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Ông Đặng Đức Thanh, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn CM, xã YH, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Anh Phan Văn Th, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn HT, xã VH, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Anh Bàn Văn C, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn CM, xã YH, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng gần 19 giờ ngày 27/02/2018, Đặng Văn Ng cầm theo chiếc đèn pin của gia đình (Đặng Văn Ng sống chung với bố mẹ là ông Đặng Đức Th và bà Đặng Thị Ng), đi bộ từ nhà mình ở thôn CM, xã YH, huyện QB, tỉnh Hà Giang theo đường bê tông liên thôn sang nhà anh trai là Đặng Văn L, trú cùng thôn, để lấy đôi giày để ở đó. Khi đi đến ngã ba thì Đặng Văn Ng thấy cách đó khoảng 20 mét, cùng hướng đi của mình, có một chiếc xe ô tô tải đang dừng đỗ và một số người đang đuổi trâu lên xe (trong đó có anh Đào Duy H). Đặng Văn Ng rẽ trái theo ngã ba, đi về phía nhà anh Đặng Văn L. Trên đường đi, cách ngã ba khoảng 10 mét, Đặng Văn Ng thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, biển số 23E1-06491 (là xe của anh Đào Duy H), dựng cạnh đường. Đặng Văn Ng đi qua chỗ để xe máy, đến cầu thang nhà sàn của anh Đặng Văn L, cách đó khoảng gần 20 mét, tìm đôi giày nhưng không thấy nên quay lại. Khi đi đến vị trí chiếc xe máy trên, Đặng Văn Ng nghĩ rằng chiếc xe máy là của những người buôn trâu, trong cốp xe có thể có tiền hoặc tài sản khác nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đặng Văn Ng dùng tay trái cầm vào cạnh yên xe, nâng lên tạo thành khe hở rồi dùng tay phải luồn vào cốp dưới yên xe, lấy ra một túi vải thổ cẩm, trong túi có đựng tiền và được xếp thành tập. Đặng Văn Ng lấy một tệp tiền cho vào túi phải quần của mình, rồi nhấc yên xe lên, để lại túi vải và tiền ở trong túi vào lại cốp xe. Đặng Văn Ng đi về nhà, lấy tiền trộm cắp được cho vào túi áo khoác và cởi áo treo ở cột nhà dưới gầm sàn. Ăn cơm tối xong, Đặng Văn Ng xuống gầm sàn, lấy số tiền trộm cắp ra đếm được 26.250.000 đồng và thấy ở giữa tệp tiền có một giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Duy H. Đặng Văn Ng giấu chứng minh nhân dân này ở dưới tấm bê tông lỏi vào bếp. Sau đó, Đặng Văn Ng đi đến chợ Yên Hà, dùng 50.000 đồng trong số tiền trộm cắp được mua xăng đổ vào xe máy của anh Bàn Văn C hết 30.000 đồng, còn 20.000 đồng đưa anh C nhờ anh chở bằng xe máy đến nhà anh Phan Văn Th ở thôn HT, xã VH, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Đặng Văn Ng sử dụng 10.000.000 đồng trong số tiền trộm cắp được để chuộc chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave α , biển số 23E1-10307 mà trước đó Đặng Văn Ng đã cầm cố với anh Th. Sau đó, Đặng Văn Ng đi về nhà và khoảng 21 giờ cùng ngày, đưa 2.000.000 đồng trong số tiền trộm cắp được cho mẹ là bà Đặng Thị Ng, nói đó là tiền do buôn bán mà có. Sáng ngày 28/02/2018, Đặng Văn Ng đi ra huyện Bắc Quang để uống Methadone và tại ngã ba vị trí Bưu điện BQ, Đặng Văn Ng dùng 4.100.000 đồng trong số tiền trộm cắp được để mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5 của một người đi đường. Chiếc điện thoại di động này khi Đặng Văn Ng quay về đến huyện QB thì phát hiện đã bị rơi mất nhưng không biết rơi ở đâu. Ngoài ra, Đặng Văn Ng còn dùng số tiền trộm cắp được để mua xăng, ăn sáng, mua thuốc lá... Khi Cơ quan điều tra Công an huyện Quang Bình triệu tập

Đặng Văn Ng đến thì Đặng Văn Ng đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của anh Đào Duy H và giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền trộm cắp được còn lại sau khi đã chi tiêu cá nhân là 9.790.000 đồng.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà Đặng Văn Ng đã đưa cho bà Ng thì sáng 28/02/2018, bà Ng đã lấy 1.000.000 đồng trong đó đưa cho chồng là ông Th, dự định để mua thuốc trừ sâu và bình phun thuốc trừ sâu. Sau đó, bà N và ông Th đã giao nộp số tiền 2.000.000 đồng này cho Cơ quan điều tra.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với số tiền 9.790.000 đồng và 2.000.000 đồng mà Đặng Văn Ng và bà Ng, ông Th đã giao nộp và được kết luận giám định toàn bộ số tiền này là tiền thật. Toàn bộ số tiền này sau đó đã được Cơ quan điều tra trả cho chủ sở hữu là anh Đào Duy H.

Anh Đào Duy H, sau khi phát hiện bị mất trộm tiền đã đến Công an xã YH trình báo. Trước khi để tiền trong cốp, anh H và vợ đã kiểm đếm tổng số tiền là 33.600.000 đồng. Sau khi bị mất trộm thì anh H thấy số tiền còn lại là 7.350.000 đồng, xác định được số tiền bị trộm là 26.250.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 30/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình đã truy tố Đặng Văn Ng về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo Đặng Văn Ng phạm tội Trộm cắp tài sản; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 đến 16 tháng tù; về trách nhiệm dân sự thì bị hại đã được bồi thường xong, không yêu cầu bồi thường gì nữa nên không xem xét đến; buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên và thấy việc trộm cắp là sai trái, vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì đã được bồi thường thiệt hại đầy đủ, không yêu cầu bồi thường gì nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Đặng Thị Ng và ông Đặng Đức Th đều trình bày là không biết số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đưa cho bà Ng, sau đó bà Ng đưa cho ông Th 1.000.000 đồng, là do bị cáo phạm tội mà có. Đối với số tiền 14.460.000 đồng mà ông Th thay mặt gia đình bồi thường cho anh H thì bà Ng và ông Th đều trình bày đây là số tiền do gia đình tích lũy mà có, không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quang Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có hành vi như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các biên bản khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, thực nghiệm điều tra, phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Tối ngày 27/02/2018, tại thôn CM, xã YH, huyện QB, thấy chiếc xe máy của anh Đào Duy H để ở vị trí không có người trông coi, nghĩ rằng trong cốp xe máy có tiền nên bị cáo đã có hành vi lén lút cạy cốp xe máy của anh H, lấy trộm số tiền là 26.250.000 đồng và một giấy chứng minh nhân dân mang tên anh H. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi trộm cắp, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là khách thể được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Hội đồng xét xử thấy luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân xấu, nhận thức được trộm cắp tài sản là hành vi sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vì cần tiền để chi tiêu cá nhân mà vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản. Hành vi trên của bị cáo thể hiện việc coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, cần được nghiêm trị. Tuy nhiên, bị cáo đã tác động gia đình nhờ bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật theo đúng nguyên tắc xử lý đã được Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định.

[4] Đối với việc bị cáo sử dụng một phần trong số tiền trộm cắp được đưa cho anh Bàn Văn C, anh Phan Văn Th và bà Đặng Thị Ng, sau đó bà Ng lại đưa cho ông Đặng Đức Th một phần, thì anh C, anh Th, bà Ng, ông Th đều không biết nguồn gốc số tiền này là do bị cáo phạm tội mà có. Anh C, anh Th đều đã chi tiêu hết số tiền mà bị cáo đã đưa, còn bà Ng và ông Th đã giao nộp số tiền

mà bị cáo đưa cho mình cho Cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử thấy anh C, anh Th, bà Ng, ông Th không có lỗi trong việc đã nhận số tiền do bị cáo đưa.

[5] Trong số tiền 26.250.000 đồng mà bị cáo đã trộm cắp của anh Đào Duy H thì Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại 11.790.000 đồng cho anh H, còn 14.460.000 đồng mà bị cáo đã chi tiêu hết thì bố của bị cáo là ông Đặng Đức Th, sau khi được bị cáo nhờ đã thay mặt gia đình để bồi thường cho anh H. Anh H đã nhận đủ số tiền này và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông Đặng Đức Th và vợ là bà Đặng Thị Ng khai số tiền 14.460.000 đồng là do gia đình tích lũy mà có, không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này cho mình. Do đó, việc bồi thường thiệt hại đã được giải quyết xong.

[6] Các vật chứng đều đã được Cơ quan điều tra xử lý xong trong giai đoạn điều tra. Do đó, vấn đề vật chứng đã được giải quyết xong.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Ng phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Văn Ng 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 04/4/2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đặng Văn Ng phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng